

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thư

2. Ông Trần Ngọc Điệp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Anh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 172/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31-7-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21-8-2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đinh Lê Hoàng N, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn Long B, xã Núi Th, thành phố Đà N. Căn cước công dân số 04930200...; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hồng Phượng, sinh năm 1998; địa chỉ: Khối 3, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Thanh V, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn An Hải T, xã Núi Th, thành phố Đà N. Căn cước công dân số 04920100....; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Lê Hoàng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Thanh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15 tháng 09 năm 2022. Là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống. Ông V không lo làm ăn, la mắng bà thường xuyên. Nay mỗi người sống 1 nơi, bà về nhà mẹ ruột của bà để sinh sống cùng con của bà. Bà và ông V đã ly thân 3 năm nay.

Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về việc nuôi con: Trong thời gian chung sống vợ chồng bà có 01 người con chung là: Ngô Đình Nhã Uyên, sinh ngày 11/10/2022. Khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bà yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung là từ tháng 9 năm 2025.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Ngô Thanh V đã được triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Cho bà N được ly hôn với ông V. Giao con chung là cháu Ngô Đình Nhã Uyên, sinh ngày 11/10/2022 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đề nghị buộc ông V cấp dưỡng nuôi con chung với bà N mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Về nội dung: đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đó, cho bà Đình Lê Hoàng N được ly hôn với ông Ngô Thanh V. Giao con chung là cháu Ngô Đình Nhã Uyên, sinh ngày 11/10/2022 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, buộc ông V cấp dưỡng nuôi con chung cho bà N mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đình Lê Hoàng N có đơn khởi kiện ly hôn đối với ông Ngô Thanh V. Hiện nay ông V đang sinh sống tại xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, xác định vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ Nều lần nhưng vắng mặt tại phiên toà, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: bà N và ông V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp. Bà N trình bày, trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà N và ông V đã sống ly thân nhau 3 năm nay, phần ai người nấy sống, ông V không lo làm ăn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Theo nội dung Biên bản xác minh chính quyền địa phương không rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa bà N và ông V. Tuy Nên, bà N cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà N được ly hôn với ông V là có cơ sở.

- Về con chung: Trong quá trình hôn nhân có 01 con chung là cháu Ngô Đình Nhã Uyên, sinh ngày 11/10/2022. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Uyên đến tuổi thành niên. Bà yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi cháu Uyên mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian yêu cầu cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2025.

Xét về điều kiện, hoàn cảnh, thu nhập thực tế của bà N, ông V và nhu cầu thiết yếu cho việc nuôi con chung thì thấy: Xét thấy, cháu Uyên hiện nay còn nhỏ, là con gái, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ người mẹ. Bà N có đủ điều kiện về thời gian và chỗ ở để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục các con. Ông V hiện chưa chứng minh được điều kiện đảm bảo tốt hơn cho sự phát triển của con chung, ông không có mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án nên không có ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, cần giao cháu Uyên cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà N yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 82 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Mức cấp dưỡng nuôi con chung bà N yêu cầu là phù hợp với điều kiện nuôi con hiện nay nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét quan điểm bảo vệ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Án phí: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*” của nguyên đơn bà Đinh Lê Hoàng N với bị đơn ông Ngô Thanh V.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đinh Lê Hoàng N được ly hôn với ông Ngô Thanh V.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Đình Nhã Uyên, sinh ngày 11/10/2022 cho bà Đinh Lê Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Ngô Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà N nuôi cháu Uyên mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm) đồng cho đến khi cháu Uyên đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2025.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Đinh Lê Hoàng N phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007205 ngày 09 tháng 5 năm 2025.

Buộc ông Ngô Thanh V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10/9/2025). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 5 – Đà Nẵng;
- UBND xã Núi Thành;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Đà Nẵng;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Văn Khôi